



Số: **023013** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23495.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO PHÔ MAI DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-35
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 19/09/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 19/09/2024-26/09/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Salmonella spp.</i>	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (a) (d)	Không phát hiện	/25 g
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a) (d)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**30-09-2024**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023014** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23496.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO PHÔ MAI DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-35
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 19/09/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 19/09/2024-26/09/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
5	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
6	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,05	mg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30-09-2024**

TU. VIÊN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023015** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23497.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO PHÔ MAI DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-35
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 19/09/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 19/09/2024-26/09/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
2	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
3	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
4	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
5	Heptachlor	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
6	Lindan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
7	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg

Mã số mẫu: 23497.24

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**30-09-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



T.S. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **023016**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23498.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM GELATO PHÔ MAI DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-35
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 353,5 g
Ngày nhận mẫu : 19/09/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 19/09/2024-27/09/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 25	µg/kg
2	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
3	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
4	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
5	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
6	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
7	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
8	Ceftiofur	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
9	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
10	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
11	Spiramycin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg

Mã số mẫu: 23498.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
12	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
13	Pirlimycin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
14	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 10	µg/kg
15	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 10	µg/kg
16	Clenbuterol	HD.PP.68/TT.SK (LC/MS/MS) (Ref. Study of β -agonist residues in animal - derived food) (d)	Không phát hiện LOD = 0,014	µg/kg
17	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
18	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
19	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
20	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
21	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
22	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,5	µg/kg
23	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
24	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
25	Dexamethasone	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
26	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
27	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
28	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
29	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
30	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
31	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
32	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
33	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
34	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
35	Cyfluthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
36	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg

Mã số mẫu: 23498.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

30-09-2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

